

UBND QUẬN LONG BIÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **57** /HĐTĐKT
Về thông báo tiêu chí chấm điểm
thi đua năm học 2021 - 2022

Long Biên, ngày **25** tháng **10** năm 2021

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục & Đào tạo; Phòng Văn hóa & Thông tin;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin & Thể thao;
- Các trường MN, TH, PTCS, THCS trên địa bàn quận.

Thực hiện Công văn số 52/HĐTĐKT ngày 07/10/2020 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận Long Biên về việc xây dựng tiêu chí chấm điểm thi đua năm học 2021-2022;

Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục & Đào tạo, Phòng VH&TT, Phòng Y tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Liên đoàn lao động quận và Đảng ủy các phường đã hoàn thiện biểu tiêu chí chấm điểm sau khi tổng hợp kết quả góp ý tiêu chí thi đua năm học 2021 - 2022 của các trường;

Hội đồng Thi đua khen thưởng quận thông báo đến các đơn vị tiêu chí chấm điểm thi đua năm học 2021- 2022. Cụ thể như sau:

- Công tác Đảng, đoàn thể: 05 điểm;
- Hoạt động công đoàn: 05 điểm;
- Công tác chuyên môn dạy và học (52 điểm + 05 điểm thưởng);
- Công tác Nội vụ: 23 điểm;
- Công tác tài chính: 05 điểm;
- Công tác Y tế: 05 điểm.

(Có biểu tiêu chí chi tiết kèm theo)

Đề nghị các đơn vị căn cứ tiêu chí chấm điểm thi đua, thực hiện nhiệm vụ và các phong trào thi đua năm học 2021- 2022 theo quy định./. *Tb*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV. (05)

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Đinh Thị Thu Hương**

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG QUẬN LONG BIÊN

BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG NĂM HỌC 2021 -2022

(Kèm theo Thông báo số 57/HĐTĐKT ngày 25/10/2021 của Hội đồng Thi đua khen thưởng quận Long Biên)

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Lý do trừ điểm
	B	C	D
A	CÔNG TÁC ĐẢNG	5	
1	Xây dựng nghị quyết lãnh đạo hàng tháng, báo cáo đúng quy định	1	
2	Thực hiện tốt công tác dân vận, tuyên giáo, kiểm tra giám sát tại chi bộ	1	
3	Công tác phát triển đảng viên (Đạt kế hoạch đề ra)	1	
4	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ba công khai	1	
5	Thực hiện chỉ thị 05-CT/TW gắn với Nghị quyết TW 4 khoá XII, kế hoạch tu dưỡng đảng viên	1	
B	CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN	5	
1	Công đoàn cơ sở đạt từ 95 điểm trở lên	5	
2	Công đoàn cơ sở đạt từ 90 đến 94 điểm	4	
3	Công đoàn cơ sở đạt từ 85 đến 89 điểm	3	
4	Công đoàn cơ sở đạt từ 80 đến 84 điểm	2	
5	Công đoàn cơ sở đạt từ 75 đến 79 điểm	1	
6	Công đoàn cơ sở đạt từ 74 điểm trở xuống	0	
C	CÔNG TÁC NỘI VỤ	23	
I	Tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng viên chức, HĐLĐ	16	
1	Công tác chỉ đạo, điều hành	4	
1.1	Ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo điều hành và các nội dung triển khai thực hiện	2	Mỗi nội dung thiếu trừ 0,2 điểm
1.2	Thực hiện đúng quy trình niêm yết công khai	1	Không thực hiện đúng 0 điểm
1.3	Không để xảy ra các sai phạm trong công tác chỉ đạo, điều hành	1	Có sai phạm 0 điểm
2	Quản lý, sử dụng biên chế, giải quyết chế độ chính sách	4.5	
2.1	Quản lý, sử dụng viên chức đúng tiêu chuẩn và VTVL	1.5	Mỗi trường hợp sử dụng không đúng VTVL trừ 0,5 điểm
2.2	Ký HĐLĐ đúng quy trình, tiêu chuẩn, chỉ tiêu giao biên chế	1.5	Mỗi trường hợp ký vượt chỉ tiêu hoặc không đúng tiêu chuẩn, quy trình trừ 0,5 điểm
2.3	Giải quyết chế độ chính sách đúng, kịp thời	1	Mỗi trường hợp sai hoặc chậm muộn trừ 0,2 điểm
2.4	Có viên chức đăng ký thực hiện biệt phái	0.5	Không có 0 điểm
3	Đánh giá viên chức, HĐLĐ	2	
3.1	Đánh giá đúng tiêu chuẩn, tỉ lệ	1	Mỗi trường hợp vượt tỉ lệ hoặc không đúng tiêu chuẩn trừ 0,2 điểm
3.2	Thiết lập đầy đủ hồ sơ đánh giá, nộp kết quả đánh giá đúng tiến độ	1	Hồ sơ không đầy đủ trừ 0,5 điểm; Nộp kết quả chậm muộn trừ 0,2 điểm.
4	Công tác đào tạo bồi dưỡng	1.5	
4.1	Đảm bảo đủ số lượng nâng chuẩn đào tạo giáo viên theo quy định	1	Không đạt chỉ tiêu 0 điểm
4.2	Các cá nhân của đơn vị tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn	0.5	Mỗi cá nhân vắng mặt trong năm trừ 0,2 điểm
5	Công tác thi đua khen thưởng	4	
5.1	Ban hành các văn bản về công tác thi đua khen thưởng theo quy định: Kế hoạch, quy chế hoạt động... về công tác thi đua khen thưởng theo quy định và khi có văn bản triển khai của cấp trên theo thẩm quyền	1	Thiếu 01 văn bản trừ 0,2 điểm
5.2	Thực hiện công tác khen thưởng theo đúng quy định: Khen thưởng hàng tháng, khen tổng kết, chuyên đề...	1	Mỗi hồ sơ chậm muộn; hồ sơ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng trừ 0,1 điểm;
5.3	Hưởng ứng Cuộc thi Viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt (Mỗi tháng có gương gửi tính 0,2 điểm; Gương được khen cấp quận tính 0,1 điểm, khen cấp thành phố 0,2 điểm)	2	

TT	STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Lý do trừ điểm
		<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>
2	II	Công tác cải cách hành chính (Thực hiện bộ chỉ số đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các trường học công lập trực thuộc UBND quận)	5	
		- Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng đạt từ 95% trở lên	5	<i>Có tiêu chí đánh giá mức không hài lòng trừ 0.5 điểm; Rất không hài lòng trừ 1 điểm</i>
		- Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng đạt từ 80% đến dưới 95%	2.5	
		- Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng đạt từ 70% đến dưới 80%.	1.5	
		- Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng đạt dưới 70%	0	
3	III	Công tác văn thư lưu trữ	2	
	1	Ban hành Kế hoạch VTLT năm 2022	0.2	<i>Không ban hành kế hoạch trừ 0,2 điểm</i>
	2	Có quyết định phân công cán bộ, nhân viên làm công tác văn thư - lưu trữ (đối với những trường hợp LĐHD, VTLT kiêm nhiệm)	0.2	<i>Không có QĐ phân công hoặc không bố trí văn thư - lưu trữ trừ 0,2</i>
	3	Có kho lưu trữ theo quy định	0.2	<i>Không có kho lưu trữ 0 điểm</i>
	4	Quản lý hồ sơ và lập hồ sơ công việc theo lĩnh vực quản lý	0.2	<i>Không xây dựng hồ sơ công việc theo quy định trừ 0,2 điểm</i>
	5	Thiết lập sổ công văn đi, đến theo đúng mẫu quy định	0.2	<i>Không đúng quy định 0 điểm</i>
	6	100% văn bản đến thuộc diện đăng ký tại bộ phận văn thư được tiếp nhận và đăng ký vào sổ, có đóng dấu đến và ghi số, ngày tháng năm đến theo đúng quy định	0.2	<i>Không thực hiện đúng quy định trừ 0,1 điểm/01 văn bản</i>
	7	100% các văn bản đi được ghi số và ngày tháng năm theo đúng quy định	0.2	<i>Không thực hiện đúng quy định trừ 0,1 điểm/01 văn bản</i>
	8	Văn bản ban hành đúng thể thức theo Nghị định 30/NĐ-CP của Chính phủ	0.2	<i>Sai thể thức trừ 0,1 điểm/văn bản</i>
	9	Văn bản đi được lưu đầy đủ tại văn thư cơ quan và bộ phận soạn thảo, bản lưu tại văn thư đã đóng dấu và được sắp xếp theo thứ tự đăng ký	0.2	<i>Không thực hiện đúng quy định trừ 0,1 điểm/01 văn bản</i>
	10	Báo cáo thống kê công tác VTLT khối trường học (Mẫu 01-CS, 02-CS)	0.2	<i>Không báo cáo 0 điểm; báo cáo thiếu 01 biểu trừ 0,1 điểm; báo cáo chậm muộn trừ 0,1 điểm</i>
	D	Y TẾ	5	
	1	Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%	1	<i>Không có điểm nếu không đạt chỉ tiêu</i>
	2	Công tác an toàn thực phẩm	2	<i>Không có điểm nếu để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tại trường học</i>
		- Duy trì tốt, thường xuyên, đầy đủ các điều kiện đảm bảo ATTP	1	
		- Triển khai tốt mô hình “Nâng cao năng lực tự quản lý ATTP, bếp ăn tập thể trường học”	0.4	
		- Thực hiện tốt việc niêm yết công khai giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP/bản cam kết ATTP; danh mục nguồn gốc thực phẩm, thực đơn tới phụ huynh học sinh, cán bộ, giáo viên	0.3	
		- Có triển khai xây dựng thực đơn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng theo lứa tuổi học sinh và đảm bảo phong phú	0.3	
	3	Công tác phòng chống dịch, bệnh	1	
		- Duy trì tốt, thường xuyên các biện pháp phòng chống dịch, bệnh trong trường học	0.5	
		- Chủ động phối hợp với ngành Y tế triển khai các biện pháp phòng chống dịch, bệnh	0.5	
	4	Triển khai tốt, đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh	1	
	E	TÀI CHÍNH	5	<i>(Có biểu chi tiết gửi kèm)</i>
	F	CÔNG TÁC DẠY VÀ HỌC	52	<i>(Có biểu chi tiết gửi kèm)</i>
	G	ĐIỂM THƯỜNG	5	<i>(Có biểu chi tiết gửi kèm)</i>
		TỔNG	100	

HỘI ĐỒNG TĐKT QUẬN LONG BIÊN

BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG NĂM 2021-2022

LĨNH VỰC TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

(Kèm theo Thông báo số 57/HĐTĐKT ngày 25/10/2021 của Hội đồng Thi đua khen thưởng quận Long Biên)

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐƠN VỊ CHẤM		PHÒNG TCKH CHẤM		GHI CHÚ
			SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	TỔNG ĐIỂM	5.00					
1	Công tác lập, phân bổ dự toán, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	1.5					
1.1	Lập, phân bổ Dự toán đầu năm	0.75					
	- Đúng biểu mẫu	0.15					
	- Đúng chế độ, định mức	0.15					
	- Đúng Mục lục ngân sách	0.15					
	- Số liệu chính xác	0.15					
	- Nộp báo cáo đúng hạn	0.15					
1.2	Dự toán phát sinh: Đúng biểu mẫu; Chế độ, định mức; mục lục ngân sách; số liệu chính xác; thời gian đảm bảo	0.2					
	- Đúng biểu mẫu, số liệu chính xác	0.1					
	- Đúng chế độ, định mức, mục lục ngân sách	0.1					
1.3	Xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	0.55					
	- Bộ quy chế đầy đủ: Biên bản họp cán bộ công chức, viên chức nhân viên thống nhất thông qua quy chế (Có xác nhận của Chủ tịch công đoàn); Quyết định ban hành quy chế và Quy chế	0.15					
	- Phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi trong năm của đơn vị	0.1					
	- Nội dung thu, chi đảm bảo theo đúng chế độ, định mức, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	0.1					
	- Thời gian ban hành đảm bảo theo quy định	0.1					
	- Công khai theo quy định	0.1					
2	Công tác chấp hành dự toán thu, chi (Đánh giá theo thẩm định quyết toán; thanh tra thường xuyên, chuyên đề)	1.35	0	0	0	0	0
2.1	Chỉ đúng dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ	0.3					
	- Quy định các khoản thu, chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ phải khớp đúng với dự toán.	0.15					
	- Số chỉ đúng với dự toán và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.	0.15					
2.2	Kế toán nguồn kinh phí	0.3					
	- Hạch toán đúng tài khoản kế toán, ghi đúng, rõ tên nguồn kinh phí	0.15					
	- Chỉ đúng nguồn, nội dung chi phù hợp với quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên	0.15					
2.3	Chứng từ kế toán	0.45					
	- Lập chứng từ thu, chi ...: Đúng biểu mẫu, nội dung phiếu chi khái quát được toàn bộ nội dung chi	0.15					
	- Hồ sơ thanh toán: Đảm bảo chứng minh được các nội dung phát sinh; hoá đơn, chứng từ thanh toán đảm bảo đúng quy định	0.15					
	- Thời gian thanh toán, hạch toán kịp thời theo quy định	0.15					
2.4	Quản lý quỹ tiền mặt	0.3					
	- Phản ánh đầy đủ các khoản thu chi quỹ tiền mặt vào sổ kế toán, sổ quỹ kịp thời	0.1					
	- Nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi đúng quy định	0.1					
	- Thực hiện chốt sổ quỹ hàng ngày, kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định	0.1					
3	Công tác khoá sổ, lập báo cáo quyết toán	0.45	0	0	0	0	0
3.1	Thực hiện khoá sổ kế toán, đối chiếu Kho bạc đúng hướng dẫn	0.15					
3.2	Lập báo cáo quyết toán đúng, đủ biểu mẫu theo quy định; thuyết minh báo cáo tài chính ràng, đánh giá được kết quả hoạt động trong năm	0.15					
3.3	Nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định	0.15					
4	Công khai tài chính, tài sản	0.4	0	0	0	0	0
4.1	Báo cáo công khai	0.1					
4.2	Biểu mẫu, số liệu công khai	0.1					
4.3	Nội dung công khai	0.1					
4.4	Thời gian công khai	0.1					
5	Công tác báo cáo đột xuất, định kỳ	0.15	0	0	0	0	0
5.1	Biểu mẫu báo cáo	0.05					
5.2	Số liệu báo cáo	0.05					
5.3	Thời gian nộp báo cáo	0.05					
6	Đơn thư, phản ánh, khiếu nại thuộc lĩnh vực tài chính	0.5	0	0	0	0	0
7	Công tác quản lý tài sản	0.65	0	0	0	0	0
7.1	Phân loại tài sản	0.1					

Nguyên tắc chấm điểm:

- Những nội dung thực hiện đạt yêu cầu: Tính đúng bằng số điểm như trong biểu điểm đã nêu trên;
 - Những nội dung có trong bảng tính điểm nhưng không phát sinh (cần nêu rõ trong phần ghi chú) trong quý, tính bằng điểm đạt yêu cầu;
 - Những nội dung trừ điểm: Trừ đúng bằng số điểm như đã nêu trong biểu trên;
 - Riêng đối với nội dung đơn thư phản ánh, khiếu nại: Khi có phát sinh sẽ bị trừ toàn bộ số điểm trong nội dung này
- * Cách tính điểm đối với các nội dung thuộc mục 4,5 trong biểu chấm điểm ngoài việc tuân thủ nguyên tắc chấm điểm trên, trong một số trường hợp phát sinh cách tính điểm như sau:
- Trong một quý phát sinh nhiều báo cáo, nhiều nội dung phải công khai tính trên nguyên tắc: Tổng số điểm của nội dung đó chia cho số lượng báo cáo, số nội dung phải công khai lấy số điểm bình quân (Làm tròn đến 02 số sau dấu phẩy). Mỗi nội dung đạt yêu cầu sẽ được tính theo số điểm bình quân đó và ngược lại.
 - Đối với mục công khai: Định kỳ vào ngày 20 của tháng cuối quý đơn vị nộp báo cáo việc thực hiện công khai.

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG QUẬN LONG BIÊN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA KHỎI MÀM NON

NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo Thông báo số 57 /HDTĐKT ngày 25/10/2021 của Hội đồng Thi đua khen thưởng quận Long Biên)

TT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Xếp loại	Ghi chú
			Trường tự đánh giá	Phòng đánh giá		
I	Công tác chuyên môn của cấp học	16.00				
1	* Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ năm học của Sở, Phòng GD&ĐT và của Quận về GDMN: Xây dựng và thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch tháng đúng tiến độ, hiệu quả. (0,5đ)	2.00				
	Duy trì chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Phối hợp các đơn vị điều tra phổ cập kịp thời, chính xác, đúng kế hoạch. (0,5đ)					
	Thực hiện công tác thông kê báo cáo chính xác, có chất lượng, đúng thời gian quy định (1.0đ) (Mỗi nội dung chậm so với kế hoạch trừ 0.25đ)					
2	* Duy trì và phát triển số lượng trẻ ra lớp: Nhà trẻ: 59%; MG (3-5 tuổi): 100%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 75% trở lên (3,0đ)	3.00				
	Nhà trẻ: 58%; MG (3-5 tuổi): 99,5%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 74,5%. (2,75đ)					
	Nhà trẻ: 57%; MG (3-5 tuổi): 99%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: (74%) (2,5đ)					
	Nhà trẻ: 56%; MG (3-5 tuổi): 98,5%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 73,5% (2,25đ) Dưới các chỉ số trên (2.0đ)					
3	* Nâng cao Chất lượng chăm sóc giáo dục, đảm bảo an toàn cho trẻ: Tổ chức và chỉ đạo GV chuẩn bị đầy đủ đồ dùng bán trú cho 100% trẻ; thực hiện đủ, đúng số lần, thời gian và chất lượng cân, đo, khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGD&ĐT.(0,5đ)	5.00				
	Xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh, dịch Covid-19; chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị phòng dịch; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện phòng dịch đúng quy định (0.5đ)					
	Xây dựng kế hoạch, biện pháp nhằm giảm tỷ lệ trẻ SDD, thấp còi và trẻ thừa cân. Kết quả cuối năm giảm tỷ lệ so với đầu năm. (0,5đ)					
	Bếp ăn đảm bảo VSATTP, thực hiện ký kết hợp đồng thực phẩm theo chỉ đạo của UBND Quận, cam kết cơ sở ATTP theo quy định. (0,5đ)					
	Triển khai hiệu quả chủ đề của Quận: "Hành động vì một Long Biên sáng – xanh - sạch - đẹp -văn minh" (1.0đ), cụ thể: Đạt mức 1 (1.0đ); đạt mức 2 (0.75đ); đạt mức 3 (0,5đ)					
	Thực hiện tốt chương trình GDMN mới: Lập kế hoạch GD theo năm, tháng, tuần đúng quy định; XD ngân hàng nội dung HD các lứa tuổi phù hợp, khoa học. Đánh giá trẻ các độ tuổi đúng quy định và tiến độ thời gian; Chất lượng các vở bài tập, sản phẩm và học liệu của trẻ theo độ tuổi đầy đủ, chất lượng và sử dụng nhiều nguyên vật liệu. (1,0đ) Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, ứng dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục tiên tiến trong tổ chức hoạt động (0.5đ) Lựa chọn và tổ chức các hoạt động liên kết, ngoại khóa cho trẻ phù hợp, thực hiện thời gian HD ngoại khóa đúng quy định. (0,5đ)					
4	* Đổi mới quản lý GDMN Có giáo viên tham gia dạy thi cấp Quận đạt giải: Đạt Nhất cấp Quận: (2,0đ) Đạt Nhì cấp Quận: 1,75đ; Đạt Ba cấp Quận: (1,5đ) Có tham gia nhưng không đạt giải: (1,25đ)	4.00				
	Thực hiện đổi mới sinh hoạt các tổ chuyên môn, triển khai thực hiện các chuyên đề theo đúng kế hoạch (0.5đ)					
	Xây dựng và triển khai hiệu quả các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong thời gian nghỉ học do dịch Covid-19; tổ chức tốt các hoạt động kết nối với trẻ, phối hợp với CMHS chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục (1.0đ)					
	Tham gia đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần các buổi tập huấn, kiến tập, bồi dưỡng chuyên môn và các buổi họp, hội nghị do các cấp tổ chức. (0,5đ)					
5	* Phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và tuyên truyền về GDMN trong cộng đồng: Xây dựng góc "Cha mẹ cần biết" phù hợp, khoa học, phong phú, đầy đủ thông tin (đặc biệt công tác phòng chống dịch bệnh); thường xuyên cập nhật nội dung tuyên truyền về GDMN trên cổng TTĐT của nhà trường (0,5đ)	2.00				
	Xây dựng thư mục "Album hình ảnh đẹp" trên cổng thông tin điện tử và cập nhật thường xuyên (0,5đ)					
	Kết hợp tốt với UBND Phường trong công tác tuyên truyền, cập nhật hồ sơ, sổ sách, phiếu điều tra,... về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi hiệu quả, đúng tiến độ, số liệu chính xác. Cập nhật phần mềm Phổ cập chính xác thông tin, đúng tiến độ. (0,5đ)					
	Công tác xã hội hoá GD thực hiện đúng quy định, hiệu quả (0,5đ)					
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	7.00				
1	XD kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đủ nội dung, rõ ràng, khoa học, đúng quy định, bám sát vào nhiệm vụ năm học. Thành lập Ban kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban kiểm tra.	1.00				

2	Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng tại phòng Hội đồng trường	1.00			
3	Thiết lập hồ sơ tự kiểm tra đúng quy định, lưu trữ biên bản khoa học, đầy đủ, thực hiện hiệu quả và điều chỉnh hợp lý kế hoạch đề ra, lưu đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra và khắc phục tồn tại sau kiểm tra.	1.00			
4	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về phòng GD&ĐT trong sơ kết công tác tháng.	1.00			
5	Báo cáo sơ kết và tổng kết công tác kiểm tra nội bộ đúng thời gian quy định. Báo cáo kịp thời các việc đột xuất.	1.00			
6	Xử lý, giải quyết kịp thời khi có vụ việc xảy ra, không để xảy ra đơn thư vượt cấp (có phân ánh, đơn thư vượt cấp xác minh đúng trừ 1.0 điểm/lần)	2.00			
III Công tác ứng dụng CNTT		7.00			
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường. Cập nhật đầy đủ số liệu, nội dung công việc, đúng tiến độ các phần mềm phục vụ công tác quản lý, điều hành nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các hoạt động của nhà trường.	0.50			
2	Trang thông tin điện tử: - Có quy chế hoạt động của ban biên tập - Có định hướng viết tin bài, quy định cập nhật tin bài (Mỗi nội dung không đầy đủ trừ 0,25 điểm)	0.50			
3	Tin tức, sự kiện, hoạt động: Một chuyên mục tối thiểu có tin 01 bài hoạt động hàng tháng của người phụ trách trên các mặt công tác chuyên môn và quản lý. (Mỗi nội dung tồn tại trừ 0,25 điểm)	0.50			
4	Cập nhật đầy đủ các chuyên mục: Kho học liệu điện tử được cập nhật thường xuyên; Các nội dung công khai; Các chuyên mục khác theo quy định. (Mỗi nội dung công khai cập nhật không đầy đủ, kịp thời: trừ 0,5 điểm; các nội dung khác trừ 0,25 điểm)	1.00			
5	Mỗi GV có ít nhất 3 bài giảng điện tử/1HK: được đưa lên cổng thông tin điện tử nhà trường, lưu kho học liệu, thể hiện qua phiếu đánh giá tiết dạy, kế hoạch chuyên môn. (Thiếu sản phẩm của 1 GV trừ 0,25 điểm).	0.50			
6	Thực hiện chuyển đổi số trong Giáo dục: + Triển khai thu học phí không dùng tiền mặt (CL: 70% trở lên, CLC: 100%) (1.0đ) + Sử dụng các phần mềm kết nối trực tuyến có hiệu quả. (0.5đ) + Áp dụng khai thác hiệu quả phần mềm QLGD: Quản lý nhân sự, PCGD, kế toán, quản lý tài sản...(0.5đ)	2.00			
7	Có giáo viên, nhân viên dự thi Bài giảng E-learning cấp Quận (0,5 điểm)	0.50			
8	BGH đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong điều hành, quản trị các hoạt động của nhà trường. GV đẩy mạnh việc sử dụng bài giảng Elearning trong dạy học và các hoạt động phù hợp khác. Nhà trường sử dụng đủ 02 phần mềm (Tính khẩu phần ăn dinh dưỡng cho trẻ và phần mềm kế hoạch giáo dục đã được Bộ GD&ĐT thẩm định) đạt 1,0 điểm (nếu sử dụng 01 phần mềm đạt 0,5 điểm).	1.00			
9	Triển khai hiệu quả tổ chức cho trẻ MG từ 3->5 tuổi ứng dụng thực hiện phần mềm Kidsmart và Happyki qua các trò chơi phát triển trí tuệ phù hợp. (Nếu đủ cả 02 phần mềm đạt 0.5 điểm, nếu sử dụng 01 phần mềm đạt 0.25 điểm)	0.50			
IV Công tác chính trị, tư tưởng		5.00			
1	Tổ chức tốt "Liên hoan cháu cháu vui khoẻ" cấp Trường và tham gia cấp Quận. Đạt giải Nhất (2,0đ); Giải Nhì (1,5đ); Giải Ba (1,0đ); Tham gia nhưng không có giải (0,5đ)	2.00			
2	Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, rà soát, vận động 100% trẻ được tiêm chủng theo quy định, không có tai nạn thương tích, ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh xảy ra trong nhà trường. (1.0đ)	1.00			
3	Xây dựng đầy đủ kế hoạch triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động (0.5đ) Tham gia đầy đủ các cuộc vận động do UBND Quận, ngành GD triển khai (0,5đ)	1.00			
4	Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện công tác Y tế học đường, phòng chống TNNT, vệ sinh ATTP, phổ biến GDPL, ATGT..	1.00			
V Công tác xây dựng, duy trì trường Chuẩn quốc gia - Kiểm định chất lượng - Tuyển sinh.		7.00			
1	Có kế hoạch xây dựng và bố trí kinh phí duy trì các tiêu chí trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng GD hiệu quả.	0.50			
2	Xây dựng và duy trì tốt 5 tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia tại Thông tư 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT. (2,0 đ) + Đạt kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia nhưng không duy trì được 5 tiêu chuẩn (mỗi tiêu chuẩn không đạt trừ 0,25 đ) + Với trường chưa đạt trường chuẩn quốc gia (Sắp xếp các phòng học và phòng chức năng hợp lý, khoa học, sử dụng hiệu quả). (1,5 đ)	2.00			
3	Thực hiện nghiêm túc các quy định của công tác tự kiểm tra, đánh giá do TP, Quận, Ngành quy định.	0.50			
4	Báo cáo Tự đánh giá đúng thể thức, nội dung, thời gian quy định.	0.50			
5	Thực hiện tự kiểm định, lưu đủ hồ sơ, minh chứng đúng theo các tiêu chuẩn	0.50			
6	Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác, xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường.	0.50			
7	Thực hiện tốt tuyên truyền về công tác tuyển sinh, cập nhật phần mềm tuyển sinh trực tuyến đúng tiến độ, chính xác về thông tin của học sinh; tuyển sinh trực tiếp đúng thời gian quy định và hiệu quả. (Đơn vị nào không thực hiện đúng thời gian trừ 0,5đ)	1.00			

8	Thực hiện tuyển sinh đúng chỉ tiêu, đúng kế hoạch đã XD tại trường.	0.50				
9	Phân bố, định biên học sinh theo đúng độ tuổi và đảm bảo tỷ lệ học sinh/lớp theo quy định.	1.00				
VI	Công tác quản lý	10.00				
1	Quản lý và XD hệ thống văn bản đi - đến đầy đủ, khoa học, đúng quy định.	0.50				
2	Tinh chuyên nghiệp trong công tác lãnh đạo, quản lý	3.00				
	Độc, hiểu văn bản chỉ đạo về chuyên môn và QLNN của cấp trên (0.5đ)					
	Xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, đúng thể thức quy định(0.5đ)					
	Báo cáo kết quả thực hiện trong công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ năm học theo tiến độ và yêu cầu của cấp trên(0.5đ)					
Đăng ký triển khai một nội dung mới của năm học. Báo cáo tính hiệu quả của việc triển khai nội dung mới đó (có minh chứng kèm theo) (0.5đ)						
Tổ chức đối thoại tại cơ sở giáo dục ít nhất 01 năm 1 lần; thực hiện tốt 3 công khai và trách nhiệm giải trình. Đơn vị không có phản ánh, đơn thư vượt cấp (nếu có đơn thư xác minh đúng trừ điểm)(0.5đ)						
Ban hành Quy trình giải quyết công việc nội bộ, giải quyết công việc theo đúng qui trình.(0.5đ)						
3	- Tổ chức xét duyệt kết quả thi đua trong nhà trường đúng quy trình khách quan, hiệu quả (0,5đ) - Bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại CBCC cuối năm công khai, minh bạch, đúng quy định, không để xảy ra khiếu nại, thắc mắc (0,5đ)	1.00				
4	Xây dựng và thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, NVSP, kỹ năng xử lý công việc... cho CBGVNV tại trường (Ngoài KH của Quận, PGD) (1,0đ)	1.00				
5	Thực hiện đánh giá Hiệu trưởng; Phó HT, TTCM; GV, NV theo vị trí việc làm nghiêm túc đúng hướng dẫn, hiệu quả. (0,5đ)	0.50				
6	Đạt danh hiệu trường tiên tiến về TĐTT cấp TP (1,5đ) Đạt danh hiệu trường TT về TĐTT cấp Quận (1,25đ)	1.50				
7	Phối hợp quản lý tốt các trường lớp MN Tư thục trên địa bàn Phường	1.00				
8	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, đúng quy định (chậm, sai trừ 0,25 điểm/loại/lần)	1.00				
9	- Chỉ đạo, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính (0.25đ) - Đảm bảo sự hài lòng của tổ công dân thông qua kết quả phiếu khảo sát (0,25)	0.50				
A	CỘNG: (Từ chỉ tiêu I đến VI)	52.00				
B	ĐIỂM THƯỜNG:	5.00				
1	Đánh giá ngoài tại năm học 2021-2022 (2.0đ): - Đạt cấp độ 3 (2.0đ) - Đạt cấp độ 2 (1.75đ) - Đạt cấp độ 1 (1.5đ)	2.00				
2	Tham dự Bài giảng E-learning cấp quận - Đạt giải Nhất (1.0đ) - Đạt giải Nhì (0.75đ) - Đạt giải Ba (0.5đ)	1.00				
3	Tham gia làm điểm chuyên đề: (2.0đ) - Tổ chức kiến tập điểm chuyên đề cấp Thành phố (2.0đ) - Phân công làm điểm chuyên đề cấp TP nhưng chưa tổ chức kiến tập (1.0đ) - Tổ chức điểm chuyên đề cấp Quận (1.0đ) - Phân công làm điểm chuyên đề cấp Quận nhưng chưa tổ chức kiến tập (0.5đ)	2.00				
	TỔNG CỘNG: A + B	57.00				

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG QUẬN LONG BIÊN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA KHỎI TIỂU HỌC NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo Thông báo số 57 /HĐTĐKT ngày 25/10/2021 của Hội đồng Thi đua khen thưởng quận Long Biên)

TT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Ghi chú
			Trường đánh giá	PGDDĐT đánh giá	
I	Công tác chuyên môn của cấp Tiểu học	20.00			
1	Giáo dục truyền thống, đạo đức	4.00			
	- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống... cho HS: 0,5 điểm	1.00			
	- Tổ chức đủ các hoạt động theo kế hoạch, cập nhật kết quả trong báo cáo hàng tháng: 0,5 điểm				
	(Tổ chức thiếu 1 hoạt động trừ 0,25 điểm. Thiếu số liệu báo cáo 1 hoạt động/tháng trừ 0,25 điểm)				
	Học sinh tham quan di tích trên địa bàn Quận:	1.00			
	- HS tham quan đúng thời gian, an toàn: 0,5 điểm				
	- Chấm bài thu hoạch, báo cáo về PGD&ĐT: 0,25 điểm				
	- Có học sinh được khen thưởng cấp Quận: 0,25 điểm				
	Thực hiện đánh giá xếp loại các nhóm phẩm chất và năng lực của học sinh đúng quy định. (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm)	1.00			
	Giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập (nếu có):	0.50			
	- Hồ sơ chứng minh học sinh đủ điều kiện đánh giá riêng theo quy định: 0,25 điểm				
	- Hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của HS hàng tháng: 0,25 điểm				
	Thực hiện phòng chống bạo lực học đường. Nếu xảy ra hiện tượng học sinh đánh nhau trong và ngoài nhà trường trừ 0,5 điểm.	0.50			
2	Chất lượng học sinh	2.00			
	Chất lượng đại trà (kiến thức và kĩ năng các môn học):	2.00			
	- Đạt chỉ tiêu được giao: 2 điểm				
	- Thấp hơn chỉ tiêu được giao dưới 5%: 1,75 điểm				
	- Thấp hơn chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%: 1,5 điểm				
	- Thấp hơn chỉ tiêu từ 10% đến dưới 15%: 1,25 điểm				
	- Thấp hơn chỉ tiêu được giao từ 15% trở lên: 1 điểm				
3	Chất lượng đại trà của giáo viên	6.50			
	CBGV thực hiện giảng dạy trực tuyến trong thời gian học sinh tạm dừng đến trường đúng thời khóa biểu, đủ số tiết online, offline theo quy định. (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm)	1.00			
	CBGV phối hợp với CMHS tạo điều kiện cho 100% học sinh được tham gia học trực tuyến; quan tâm đánh giá thường xuyên, giúp học sinh đạt được mục tiêu bài học, kèm cặp học sinh gặp khó khăn trong học tập trực tuyến kịp thời. (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,25 điểm)	0.50			
	CBGV thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ đầy đủ, cập nhật. (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,25 điểm)	0.50			
	GV đánh giá HS theo VB hợp nhất 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 28/9/2016 và Thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT đúng tiến độ (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm); Ra đề KTĐK bám sát ma trận đề, chuẩn KT-KN, đủ nội dung (01 đề KTĐK thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm)	1.00			
	Cập nhật thông tin đánh giá HS vào phần mềm CSDL đúng quy định, đúng tiến độ (01 CBGV hoặc trường thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm/lần)	1.00			
	GV thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo quy định (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,25 điểm)	0.50			
	Các tiết dạy do Phòng GD&ĐT và cộng tác viên thanh tra dự giờ được xếp loại từ Khá trở lên (01 tiết xếp loại Đạt trừ 0,25 điểm, 01 tiết xếp loại Chưa đạt trừ 0,5 điểm)	1.00			

	GV đăng kí sử dụng ĐDDH thường xuyên: (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm); hồ sơ phòng đồ dùng đầy đủ, có chất lượng (thiếu 01 loại hồ sơ hoặc 01 loại hồ sơ chưa đảm bảo chất lượng theo quy định trừ 0,5 điểm).	1.00			
4	Kết quả bồi dưỡng thường xuyên (BDTX)	2.00			
	Xây dựng kế hoạch BDTX của nhà trường (0,25 điểm); của cán bộ quản lí, giáo viên (0,25 điểm) theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019; Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019; Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GD&ĐT.	0.50			
	100% CBGV thực hiện các nội dung BDTX theo kế hoạch đã xây dựng, có minh chứng đầy đủ (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,25 điểm)	0.50			
	100% CBGV được đánh giá hoàn thành kế hoạch BDTX theo quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GD&ĐT. (01 CBGV chưa hoàn thành trừ 0,5 điểm)	1.00			
5	Kết quả thi giáo viên dạy giỏi chuyên đề Hoạt động trải nghiệm (CĐ HĐTN)	2.50			
	Xây dựng kế hoạch (0,25 điểm), thành lập BCĐ, BGK hội thi GVG CĐ cấp trường (0,25 điểm)	0.50			
	Tổ chức hội thi GVG CĐ cấp trường theo kế hoạch (0,5 điểm), đánh giá rõ ưu điểm, hạn chế, giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn CĐ HĐTN (0,5 điểm)	1.00			
	Có giáo viên tham gia dự thi GVG CĐ cấp Quận (0,25 điểm) và được công nhận GVG CĐ cấp Quận (0,25 điểm).	0.50			
	Có GV đạt giải cấp Quận (Nhất, Nhì: 0,5 điểm; Ba, KK: 0,25 điểm)	0.50			
6	Kết quả thi giáo viên dạy giỏi	3.00			
	Xây dựng kế hoạch (0,25 điểm), thành lập BCĐ, BGK hội thi GVG cấp trường (0,25 điểm)	0.50			
	Tổ chức hội thi GVG cấp trường theo kế hoạch (0,5 điểm), đánh giá rõ ưu điểm, hạn chế, giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn (0,5 điểm)	1.00			
	Có giáo viên tham gia dự thi GVG cấp Quận	0.50			
	100% GV dự thi GVG cấp Quận được công nhận GVG cấp Quận (01 CBGV không được công nhận trừ 0,5 điểm)	0.50			
	Có GV đạt giải cấp Quận (Nhất, Nhì: 0,5 điểm; Ba, KK: 0,25 điểm)	0.50			
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	6.00			
1	Thành lập ban kiểm tra (0,25 điểm) và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban kiểm tra (0,25 điểm)	0.50			
2	Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đủ nội dung, khoa học, đúng quy định, bám sát nhiệm vụ năm học và thực tế nhà trường.	0.50			
3	Tiến hành kiểm tra đầy đủ, đúng quy trình theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội, lưu đầy đủ hồ sơ kiểm tra và khắc phục tồn tại sau tự kiểm tra (mỗi cuộc kiểm tra thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ trừ 0,5 điểm)	0.50			
4	Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng tại phòng hội đồng nhà trường (thiếu 01 tháng trừ 0,5 điểm)	0.50			
5	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về Phòng GD&ĐT trong sơ kết công tác tháng (thiếu nội dung 1 tháng trừ 0,25 điểm)	0.50			
6	Báo cáo sơ kết và tổng kết công tác kiểm tra nội bộ đúng thời gian quy định (0,25 điểm). Báo cáo kịp thời các việc đột xuất (0,25 điểm).	0.50			
7	Xử lý, giải quyết kịp thời khi có vụ việc xảy ra, không để xảy ra đơn thư vượt cấp (có phản ánh, đơn thư vượt cấp xác minh đúng trừ 1 đến 3 điểm/lần tùy mức độ sai phạm)	3.00			
III	Công tác UDCNTT; thực hiện “chuyển đổi số” trong điều hành, quản lí nhà trường + Thư viện trường học	6.00			
1	Trang thông tin điện tử: Có quy chế hoạt động của ban biên tập; Có định hướng viết tin bài, quy định cập nhật tin bài. (Mỗi nội dung không đầy đủ trừ 0,25 điểm)	0.50			
2	Hoạt động trang thông tin điện tử (Lớp 1): Thông tin chung nhà trường; Thông tin cá nhân theo quy định: BGH, tổ bộ môn, ... (Mỗi nội dung không đầy đủ trừ 0,25 điểm)	0.50			
3	Tin tức, sự kiện, hoạt động: Một chuyên mục tối thiểu có tin 01 bài hoạt động hàng tháng của người phụ trách trên các mặt công tác chuyên môn và quản lí. (Mỗi nội dung tồn tại trừ 0,25 điểm)	0.50			

4	Các chuyên mục: Kho học liệu điện tử; Các nội dung công khai; Các chuyên mục khác theo quy định. (Mỗi nội dung công khai cập nhật không đầy đủ, kịp thời: trừ 0,25 điểm)	0.50			
5	Trang thông tin điều hành nội bộ (Lớp 2): 100% CBGV có tài khoản đăng nhập; vận hành khai thác hiệu quả ngăn thư mục PGD&ĐT quy định; cập nhật đầy đủ các thông tin phục vụ quản lý, điều hành nội bộ của đơn vị. (GV không có quyền/không đăng nhập, không sử dụng: trừ 0,5 điểm/người; Không cập nhật đầy đủ, kịp thời các thư mục theo quy định: trừ 0,25 điểm /nội dung)	0.50			
6	Mỗi GV có ít nhất 2 bài giảng điện tử/IHK: được đưa lên cổng thông tin điện tử nhà trường, lưu kho học liệu, thể hiện qua phiếu đánh giá tiết dạy, kế hoạch chuyên môn. (Thiếu sản phẩm của 1 GV trừ 0,25 điểm).	0.50			
7	Sử dụng các phần mềm dạy học có bản quyền để đảm bảo chất lượng, độ ổn định và tính bảo mật trong quá trình dạy học trực tuyến.	0.50			
8	Có HS thi Tin học trẻ của Quận (0,5 điểm), đạt giải (Nhất, Nhì: 0,5 điểm; Ba, KK: 0,25 điểm)	1.00			
9	Kết quả hoạt động công tác thư viện trường học (xuất sắc: 1,5 điểm; tiên tiến: 1,25 điểm, đạt chuẩn: 1 điểm)	1.50			
IV	Công tác Chính trị tư tưởng – Công tác học sinh – Hoạt động Đoàn, Đội.	5.00			
1	Tỉ lệ học sinh tham gia chương trình sửa học đường (thời điểm thực hiện theo chỉ đạo của Thành phố Hà Nội): - Đạt chỉ tiêu được giao: 0,5 điểm - Thấp hơn chỉ tiêu được giao dưới 20%: 0,25 điểm - Thấp hơn chỉ tiêu được giao từ 20% trở lên: 0 điểm	0.50			
2	Số học sinh tham gia học bơi: - Đạt chỉ tiêu được giao: 0,5 điểm - Thấp hơn chỉ tiêu được giao dưới 20%: 0,25 điểm - Thấp hơn chỉ tiêu được giao từ 20% trở lên: 0 điểm	0.50			
3	Sử dụng phần mềm Ajnomoto hoặc các phần mềm tương đương trong việc xây dựng thực đơn bán trú cho học sinh 02 ngày/tuần trở lên.	0.25			
4	100% GV, HS đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông trên xe máy hoặc đi xe đạp điện (có 01 GV, HS vi phạm trừ 0,5 điểm)	0.50			
5	Tổ chức tốt HKPD cấp trường, có học sinh dự thi HKPD cấp Quận (0,25 điểm) và đạt giải (Nhất: 1 điểm, Nhì: 0,75 điểm, Ba: 0,5 điểm, KK: 0,25 điểm)	1.25			
6	Các phong trào, cuộc thi do Sở GD&ĐT hướng dẫn, có tổ chức thi cấp Quận: - Tổ chức tốt phong trào, hội thi cấp trường, có báo cáo và tư liệu, hình ảnh gửi về Phòng GD&ĐT (0,25 điểm). - Tham gia thi cấp Quận và đạt giải (Nhất; Nhì: 0,75 điểm; Ba 0,5 điểm; KK 0,25 điểm).	1.00			
7	Kết quả Công tác Đoàn - Đội (Xuất sắc: 1 điểm, Tốt: 0,75 điểm. Khá: 0,5 điểm)	1.00			
V	Công tác tuyển sinh; kiểm định chất lượng và xây dựng, duy trì trường chuẩn quốc gia	5.00			
1	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá sát tình hình nhà trường	0.50			
2	Báo cáo tự đánh giá của trường đúng thể thức (0,25 điểm), nội dung (0,25 điểm), thời gian theo quy định (0,25 điểm)	0.75			
3	Thực hiện tự kiểm định, lưu đủ hồ sơ minh chứng theo các tiêu chuẩn (0,25 điểm/tiêu chuẩn)	1.25			
4	Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác (0,25 điểm), xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường (0,25 điểm)	0.50			
5	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền tuyển sinh (0,25 điểm), tuyển sinh đúng chỉ tiêu được phê duyệt (0,25 điểm)	0.50			
6	Các lớp trong khối 1 không chênh quá 5 học sinh (0,25 điểm), không quá 40 học sinh /lớp (0,25 điểm)	0.50			
7	Được công nhận mới hoặc duy trì tốt 5 tiêu chí trường CQG (1 điểm). Không duy trì được 1 trong 5 tiêu chí CGQ hoặc chưa đạt chuẩn vì lí do khách quan (0,5 điểm)	1.00			
VI	Công tác quản lý	10.00			
	Tính chuyên nghiệp của Hiệu trưởng:				

1	- Đọc, hiểu và thực hiện đúng văn bản chỉ đạo: 1 điểm (<i>mỗi văn bản chưa đúng quy định trừ 0,5 điểm</i>)	3.00				
	- Xây dựng kế hoạch rõ nội dung, sát thực tế, kiểm đếm được kết quả: 1 điểm (<i>Thiếu 1 kế hoạch trừ 1 điểm, 1 kế hoạch chưa đúng quy định trừ 0,5 điểm</i>)					
	- Báo cáo đúng nội hàm yêu cầu, có minh chứng, số liệu rõ ràng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, đúng quy định: 1 điểm (<i>chậm, sai trừ 0,5 điểm/loại/lần</i>)					
2	Quản lý tốt các câu lạc bộ và các lớp năng khiếu (<i>0,5 điểm</i>), các chương trình Tiếng Anh liên kết (<i>0,5 điểm</i>), dạy thêm học thêm (<i>0,5 điểm</i>), công tác chuyên môn (<i>0,5 điểm</i>) và công tác bán trú (<i>0,5 điểm</i>)	2.50				
3	Công tác bồi dưỡng CBGV (Tỉ lệ CBGV đạt chuẩn theo Luật GD 2019):	1.00				
	- Đạt chỉ tiêu được giao: <i>1 điểm</i>					
	- Thấp hơn chỉ tiêu được giao dưới 5%: <i>0,75 điểm</i>					
	- Thấp hơn chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%: <i>0,5 điểm</i>					
4	Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung mới trong năm học (<i>0,5 điểm</i>); tổ chức thực hiện hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường (<i>lưu minh chứng, được Quận ghi nhận: 0,5 điểm</i>).	1.00				
	Thực hiện các khoản thu theo quy định không dùng tiền mặt: - Đạt chỉ tiêu được giao: <i>1 điểm</i>					
	- Thấp hơn chỉ tiêu được giao dưới 5%: <i>0,75 điểm</i>					
	- Thấp hơn chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%: <i>0,5 điểm</i>					
5	- Thấp hơn chỉ tiêu giao từ 10% đến dưới 15%: <i>0,25 điểm</i>	1.00				
	Thực hiện đối thoại với CBGVNV-CMHS-HS theo quy định hiện hành.					
	Thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các trường học theo Bộ chỉ số do UBND quận Long Biên ban hành theo quy định, đạt tỉ lệ về sự hài lòng cao hơn năm học trước.					
6	Thực hiện đối thoại với CBGVNV-CMHS-HS theo quy định hiện hành.	1.00				
7	Thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của các trường học theo Bộ chỉ số do UBND quận Long Biên ban hành theo quy định, đạt tỉ lệ về sự hài lòng cao hơn năm học trước.	0.50				
A	CỘNG: (Từ chỉ tiêu I đến VI)	52.00				Đạt tỉ lệ:/ 52
B	ĐIỂM THƯỞNG:	5.00				
	- Các cuộc thi lấy thành tích cao nhất trong mỗi nội dung					
	- Tổng số điểm thưởng tối đa: 5 điểm.					
	- Các cuộc thi khác chưa được nhắc đến tính tương đương					
- Các cuộc thi tổ chức cấp Cụm theo chỉ đạo của Phòng GD&ĐT (nếu có) mức thưởng sẽ điều chỉnh cụ thể với sự thống nhất của các trường nhưng không quá số điểm thưởng quy định với cùng nội dung so với cấp Quận, cấp TP.						
I	Học sinh: 2,25 điểm					
1	Có học sinh đạt giải các môn TDTT tại HKPĐ cấp Thành phố (<i>Ba, Nhì: 0,25 điểm; Nhất: 0,5 điểm</i>); cấp QG (<i>Ba, Nhì: 0,75 điểm; Nhất: 1 điểm</i>)	1.00				
2	Có học sinh đạt giải các nội dung thi Vẽ tranh, Sáng tạo TTNNĐ, ATGT, ... cấp Thành phố (<i>Được công nhận, KK, Ba: 0,25 điểm; Nhì, Nhất: 0,5 điểm</i>); cấp QG (<i>Được công nhận, KK, Ba: 0,75 điểm; Nhì, Nhất: 1 điểm</i>)	1.00				
3	Có học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi không chính thức đạt giải cao nhất (tùy thể lệ từng cuộc thi) cấp TP, Quốc gia, Quốc tế (<i>0,25 điểm</i>).	0.25				
II	Giáo viên: 2,75 điểm					
1	Thi GVG, GVG chuyên đề đạt giải cấp Thành phố (<i>Được công nhận, KK: 0,25 điểm, Ba: 0,5 điểm, Nhì: 0,75 điểm, Nhất: 1 điểm</i>)	1.00				
2	Các cuộc thi khác đạt giải cấp Thành phố (<i>KK, Ba: 0,25 điểm; Nhì, Nhất: 0,5 điểm</i>), cấp Quốc gia (<i>KK, Ba: 0,75 điểm; Nhì, Nhất: 1 điểm</i>).	1.00				
3	Tham gia làm điểm các mô hình, các hoạt động, thi điểm các chương trình giảng dạy được cấp trên phê duyệt (Quận: 0,25 điểm; Thành phố, Quốc gia: 0,5 điểm). Tham gia đánh giá ngoài (KĐCL GD):*0,25 điểm	0.75				
	TỔNG CỘNG: (A + B)	57.00				

Ghi chú: Tổng số điểm thi đua thuộc lĩnh vực chuyên môn là 52 điểm. Trường đăng kí TTLĐXS cần đạt số điểm thi đua thuộc lĩnh vực chuyên môn đạt ít nhất 90% tổng số điểm. Trường đăng kí TTLĐTT cần đạt số điểm thi đua thuộc lĩnh vực chuyên môn đạt ít nhất 80% tổng số điểm.

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG QUẬN LONG BIÊN

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA KHỐI THCS
NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo Thông báo số 57 /HĐTĐKT ngày 25/10/2021 của Hội đồng Thi đua khen thưởng quận Long Biên)

TT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Xếp loại	Ghi chú
			Trường tự đánh	Phòng GD đánh		
A	ĐIỂM CHẤM LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	52.00				
I	Công tác chuyên môn của cấp học	20.0				
1	Giáo dục đạo đức, pháp luật và nếp sống văn minh	3.0				
*	XD kế hoạch và tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, pháp luật và giáo dục truyền thống, giáo dục kỹ năng sống ...phù hợp với thực tế nhà trường	0.50				
*	Thực hiện tốt các qui định về đạo đức nhà giáo, không để xảy ra các muân thuẫn, mất đoàn kết nội bộ; khiếu nại thắc mắc vượt cấp (có vụ việc xác minh đúng, tùy theo mức độ trừ từ 0.25 đến 0.5 đ)	1.00				
*	Giáo viên giao tiếp, ứng xử phù hợp với môi trường sư phạm, thực hiện đúng theo bộ qui tắc ứng xử đã được nhà trường ban hành (có 1 giáo viên vi phạm tùy mức độ trừ từ 0,25đ đến 0,5 đ)	0.50				
*	Thực hiện tốt các qui định về phòng chống bạo lực học đường, không để xảy ra các vụ việc trong hoặc ngoài nhà trường (nếu có hs vi phạm trừ 0.25đ)	0.50				
*	100% HS được xếp loại đạo đức Khá - Tốt (khối 7,8,9) và đánh giá xếp loại năng lực, phẩm chất từ Đạt trở lên (khối 6) (có HS xếp loại đạo đức TB trừ 0,25 điểm)	0.50				
2	Chất lượng học sinh	10.0				
2.1	Chất lượng đại trà	5.0				
*	Trường TTSX: tỉ lệ HS Giỏi Khá (hoặc tương đương) đạt 92% trở lên; Các trường còn lại đạt từ 85% trở lên (1đ) (không đạt so với CT giao tùy từng mức độ trừ từ 0.25 đ đến 1 đ) Đánh giá, xếp loại học sinh theo đúng qui định tại TT 58 và TT 26 và TT 22 (0.5đ)	1.50				
*	Tỷ lệ HS thi đỗ vào THPT công lập đạt chỉ tiêu được giao (nếu có 1 HS bị 0 điểm trừ 0.5đ; không đạt chỉ tiêu giao tùy mức độ trừ từ 0.25đ đến 1đ)	2.00				
*	Điểm TB xét tuyển 3 môn T-V-Anh đạt chỉ tiêu giao (Nếu không đạt chỉ tiêu giao tùy mức độ trừ từ 0.25đ đến 1 điểm)	1.50				
2.2	Chất lượng mũi nhọn	5.0				
*	HSG cấp Quận: + Đạt chỉ tiêu giao (1.5đ) + Vượt so với năm học trước (0.5đ)	2.00				
*	Học sinh giỏi cấp TP đạt chỉ tiêu giao (nếu không đạt chỉ tiêu, tùy mức độ trừ từ 0.25 đến 1.5đ)	2.00				
*	Xếp loại thi đua về HSG (SX 1 đ, Tốt: 0.75đ; Khá 0.5 đ, TB 0.25đ)	1.00				
3	Chất lượng của GV	7.0				
3.1	Chất lượng đại trà	3.0				
*	- 100% CB, GV thực hiện đúng quy chế chuyên môn, có đủ hồ sơ, sổ sách, ghi chép đầy đủ, đúng tiến độ (0,5đ) Có 01 GV vi phạm QCCM (theo KT của PGD hoặc UBND quận) trừ 0.5đ - Các nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn được thể hiện rõ trong sổ sinh hoạt TNCM (0.5đ) (nội dung SHCM không cụ thể, còn chung chung trừ 0.25đ đến 0.5đ)	1.00				
*	Cập nhật điểm vào phần mềm QLĐ đúng tiến độ (1đ) (chậm tiến độ 1 môn trừ 0,25 đ)	1.00				
*	Các tiết dạy do PGD kiểm tra dự giờ xếp loại từ khá trở lên (1 tiết XL trung bình trừ 0.25đ; 1 tiết không đạt trừ 0,5đ)	0.50				

*	Ra đề KT đúng kĩ thuật, bám sát ma trận đề, bám chuẩn KT-KN đáp ứng yêu cầu đổi mới (0,5đ) <i>(1 môn không thực hiện đúng trừ 0.25 đ)</i>	0.50			
3.2	Kết quả thi GV dạy giỏi	4.0			
*	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ (0,25đ) Thực hiện theo qui trình đã xây dựng và lưu đủ hồ sơ minh chứng (0,75đ)	1.00			
*	GV tham gia đủ ở các bộ môn dự thi cấp Quận <i>(nếu thiếu 1 môn trừ 0.25đ)</i>	1.00			
*	100% GV dự thi GVG cấp quận được công nhận GVG <i>(nếu có 1 GV dự thi không đạt trừ 0.5 đ)</i>	1.00			
*	Có giáo viên dự thi đạt GVG cấp Quận đạt giải (Nhất 1 đ, Nhì 0,75đ, Ba 0,5đ)	1.00			
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	5.0			
1	- XD kế hoạch kiểm tra nội bộ bám sát các văn bản chỉ đạo của các cấp (0,25đ) - Có đủ hồ sơ theo hướng dẫn (0,25đ) <i>(KH không phù hợp thực tế trừ 0.25đ; thiếu 1 thành phần hồ sơ trừ 0.25đ)</i>	0.50			
2	Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng trên cổng TTĐT của trường <i>(1 tháng không công khai trừ 0.25đ)</i>	0.50			
3	- Có khắc phục kịp thời các tồn tại sau KT (0,5đ) - Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường mang tính thúc đẩy, có tư vấn góp ý sau kiểm tra, lưu đầy đủ hồ sơ, minh chứng (0,5) <i>(01 Phiếu dự giờ không đánh giá đúng thực chất theo tiêu chí điểm trừ trên phiếu, không có minh chứng khắc phục các tồn tại nếu có sau khi KT trừ 0.5đ)</i>	1.00			
4	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về PGD trong sơ kết công tác tháng <i>(Thiếu nội dung 1 tháng trừ 0,25 điểm)</i>	0.50			
5	Quản lý DT-HT trong và ngoài nhà trường đúng quy định và được sự đồng thuận của CMHS <i>(có phản ánh của PH, nếu xác minh là đúng tùy theo mức độ trừ từ 1 đến 1,5 đ)</i>	1.50			
6	Báo cáo kịp thời các việc phát sinh, đột xuất (0,5đ) Xử lí giải quyết kịp thời các vụ việc không để xảy ra tình trạng đơn thư vượt cấp (0,5đ) <i>(Có phản ánh, đơn thư vượt cấp nếu xác minh là đúng trừ 1đ)</i>	1.00			
III	Công tác ƯDCNTT - Thư viện	5.0			
1	XD kế hoạch về CNTT bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp và phù hợp với thực tế tại đơn vị; Triển khai thực hiện theo kế hoạch.	0.50			
2	Trang thông tin điện tử: - Có qui chế hoạt động của ban biên tập (0,25) - Cập nhật tin bài đầy đủ theo các hoạt động thường xuyên của nhà trường trên Cổng TTĐT(0,25) - Các ngân thư mục sắp xếp khoa học, đúng ngăn (0,25đ) - Kho tư liệu phong phú, cập nhật thường xuyên phục vụ công tác dạy học trực tuyến (0,25đ) - Mỗi GV có ít nhất 2 bài giảng điện tử được đăng tải trên kho học liệu của nhà trường	1.00			
3	Thực hiện chuyển đổi số trong Giáo dục: + Triển khai thu học phí không dùng tiền mặt, CL: 70% trở lên, CLC: 100% (0.5đ) + Sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến có bản quyền (0.5đ) + Áp dụng khai thác hiệu quả phần mềm QLGD: Quản lý nhân sự, PCGD, kế toán, thư viện, quản lý tài sản... (0.5đ)	1.50			
4	Xây dựng kế hoạch hoạt động Thư viện bám sát nhiệm vụ (0,25đ); đầu tư ngân sách cho công tác thư viện (0,25đ)	0.50			
5	Tổ các hoạt động giới thiệu sách đúng chủ đề, hiệu quả cho phù hợp với thực tế <i>(1 tháng không thực hiện trừ 0,5đ)</i>	0.50			

6	Kết quả hoạt động công tác thư viện trường học (XS 1đ; TT 0.75 đ, đạt chuẩn 0.5 đ)	1.00				
IV	Công tác HSSV - Chính trị tư tưởng	4.0				
1	Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện công tác Y tế học đường, phòng chống TNTT, vệ sinh ATTP, phổ biến GDPL, ATGT..	0.50				
2	Duy trì và thực hiện tốt mô hình trường học "Sáng - Xanh -Sạch -Đẹp - Văn minh - Hạnh phúc" Kết quả đánh giá xếp loại A hoặc tương đương (0.5đ); Loại B (0.25đ)	1.00				
3	Xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh Covid - 19 phù hợp với thực tiễn, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch theo qui định của cơ quan y tế.	0.50				
4	Thực hiện mô hình "Nhà vệ sinh thân thiện, không có mùi hôi", giữ gìn, bảo quản CSVC khu vệ sinh sạch sẽ.. <i>(để xây ra phản ánh của phụ huynh về vệ sinh bản.., tùy từng mức độ trừ từ 0.5 đến 1 điểm)</i>	0.50				
5	Tổ chức HKPD cấp trường (0,25đ). Có HS dự thi cấp Quận (0,25đ); Đạt giải Nhất Quận (1đ), Nhì (0,75đ), Ba (0,5đ), KK (0,25đ)	1.50				
V.	Công tác thi – KĐCL – Tuyển sinh	6.0				
1	Tổ chức xét TNTHCS và Thi vào 10 THPT đảm bảo tiến độ thời gian	0.50				
2	100% CB, GV được điều động làm thi tham gia đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy chế.	0.50				
3	Thực hiện chế độ báo, nhập dữ liệu xét TN và thi vào 10 đầy đủ, chính xác, đúng thời gian <i>(dữ liệu không chính xác 01 lần giải trình trừ 1đ)</i>	1.00				
4	Thực hiện tự kiểm định CL, lưu đủ hồ sơ minh chứng theo các tiêu chuẩn. Duy trì trường CQG	1.00				
5	- Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác (0.5đ) - Xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường (0,5đ) <i>Sĩ số HS/lớp vượt qui định trừ 0,25đ đến 0.5đ</i>	1.00				
6	Công tác phân luồng học sinh sau THCS đảm bảo <i>(để xây ra kiến nghị, thắc mắc của CMHS nếu xác minh là đúng trừ từ 0.5 đến 2đ)</i>	2.00				
VI	Công tác quản lý, điều hành	5.0				
1	Tính chuyên nghiệp trong công tác lãnh đạo, quản lý	2.50				
*	Đọc, hiểu văn bản chỉ đạo về chuyên môn và QLNN của cấp trên	0.50				
*	Xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, đúng thể thức quy định	0.50				
*	Đăng ký triển khai một nội dung mới của năm học. Báo cáo tính hiệu quả của việc triển khai nội dung mới đó (có minh chứng kèm theo)	0.50				
*	Tổ chức đối thoại tại cơ sở giáo dục ít nhất 01 năm 1 lần; thực hiện tốt 3 công khai và trách nhiệm giải trình. Đơn vị không có phản ánh, đơn thư vượt cấp (nếu có đơn thư xác minh đúng trừ 01 điểm)	0.50				
*	Ban hành Quy trình giải quyết công việc nội bộ, giải quyết công việc theo đúng qui trình.	0.50				
2	- Chỉ đạo, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính lĩnh vực giáo dục.. (0.5đ)	1.00				
3	Phân công chuyên môn đảm bảo đúng VTVL, không để xảy ra thắc mắc, kiến nghị	0.50				
4	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên đảm bảo tiến độ, lưu hồ sơ minh chứng (0.25đ) GV đăng kí nội dung tự bồi dưỡng TX và thực hiện theo các nội dung đăng kí (0.25đ)	0.50				
5	Xây dựng KH nâng chuẩn trình độ đào tạo đáp ứng Luật GD 2019	0.50				
VII	Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua và công tác Đoàn – Hội – Đội	4.0				



1	Xây dựng đầy đủ kế hoạch triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động (0.5đ) Tham gia đầy đủ các cuộc vận động do UBND Quận, ngành GD triển khai (1đ)	1.50				
2	Tham gia các cuộc thi văn hóa văn nghệ TDTT và các cuộc thi khác của GV - Cấp Cùm: Nhất (0,5đ); Nhì, Ba (0,25đ). - Cấp TP: Nhất (1,0); Nhì, Ba (0,75đ); Ba (0,5đ), KK (0.25đ)	1.00				
3	Tổ chức Hội thảo "Đổi mới sáng tạo trong dạy và học" và "Trường học hạnh phúc"	0.50				
4	Xếp loại Đoàn - Đội (<i>Xuất sắc 1 đ; Tốt: 0.75đ; Khá: 0.5đ</i>);	1.00				
VIII	Công tác văn phòng – Pháp chế - Thi đua khen thưởng - TTHC	3.0				
1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệu quả ngày pháp luật nước cộng hòa XHCN Việt nam	0.50				
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm phòng chống tham nhũng lãng phí	0.50				
3	- Tổ chức xét duyệt kết quả thi đua trong nhà trường đúng quy trình khách quan, hiệu quả (0,25đ) - Bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại CBCC cuối năm công khai, minh bạch, đúng qui định, không để xảy ra khiếu nại, thắc mắc (0,25đ)	0.50				
4	Tuyên truyền các nội dung về gương NTVT và đăng tải đầy đủ trên trang Web của trường (0.25đ) - Có đủ bài viết về NTVT gửi về ngành (0.25 đ)	0.50				
5	Bài viết được HĐĐKT Quận khen thưởng hoặc có gương người tốt việc tốt cấp Quận .	0.50				
6	Thực hiện giải quyết 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tại trường, giải quyết TTHC chuyển trường đúng qui trình	0.50				
B	ĐIỂM THƯỞNG (tối đa cho mỗi mục 1 điểm)	5.00				
1	Tỉ lệ HS đỗ vào lớp 10 CL vượt chỉ tiêu giao (Tùy theo tỉ lệ vượt thưởng từ 0,25đ đến 1 đ)	1.00				
2	Tổng điểm 3 môn V-T-A vượt chỉ tiêu giao (Tùy theo tỉ lệ vượt thưởng từ 0,05đ đến 1đ)	1.00				
3	Số lượng HSG cấp TP (các cuộc thi chính thức) vượt chỉ tiêu hoặc HS đạt giải cao tại các sân chơi (0.5đ) Vượt chỉ tiêu SL giải Nhất 0.5đ; Nhì 0,25đ	1.00				
4	Thi GVG cấp TP đạt giải Nhất (1đ); Nhì (0,75đ); Ba (0.5), KK (0.25đ)	1.00				
5	Tham gia các hoạt động làm điểm (hoặc đăng cai tổ chức) cho Thành phố 0.75đ; Quận 0,5đ	0.75				
6	Tham gia đoàn ĐGN theo quyết định của Sở GD	0.25				
	TỔNG CỘNG: A + B	57.00				

* Lưu ý: Tập thể đạt TTSX cấp Thành phố đảm bảo điều kiện số điểm lĩnh vực giáo dục đạt từ 90% tổng số điểm trở lên (tương đương thấp nhất 51 điểm)